

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam
và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 897 hoạt chất với 2196 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 838 hoạt chất với 1957 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 312 hoạt chất với 996 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 09 hoạt chất với 73 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 67 hoạt chất với 207 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 08 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 162 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trải): 05 hoạt chất với 06 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 17 hoạt chất với 29 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 07 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 03 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ sâu: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 02 hoạt chất với 02 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 10 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 12 hoạt chất với 12 tên thương phẩm.

g) Thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch

- 02 hoạt chất với 02 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

- a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.
- b) Thuốc trừ bệnh: 06 hoạt chất.
- c) Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất.
- d) Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS các thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo Mục 23, Mục 24 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Việc nhập khẩu các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất carbosulfan (hóa chất trong Phụ lục III Công ước Rotterdam) trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất carbosulfan: được tiếp tục sản xuất 03 tháng và buôn bán, sử dụng 02 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất benfuracarb: không được phép nhập khẩu; được tiếp tục sản xuất 03 tháng; buôn bán và sử dụng 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, TTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung